

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN
CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

CHO GIAI ĐOẠN SÁU THÁNG KẾT THÚC TẠI NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2012

American Auditing

MỤC LỤC

	Trang
1, BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
2, BÁO CÁO KIỂM TOÁN	3
3, BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 6
4, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
5, BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
6, BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	9
7, THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 20

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

121 Lê Lợi, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc của CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM (dưới đây gọi tắt là Công ty) trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2012.

1. Các thông tin chung về Công ty

Công ty Cổ phần Chứng khoán Công nghiệp Việt Nam là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy phép hoạt động Kinh doanh chứng khoán số: 95/UBCK-GP, do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước cấp ngày 12 tháng 08 năm 2008 và giấy phép điều chỉnh số 225/UBCK-GP ngày 01 tháng 04 năm 2009. Các quyết định điều chỉnh số 294/UBCK-GP ngày 12 tháng 01 năm 2010, số 339/UBCK-GP ngày 12 tháng 07 năm 2010.

Hoạt động chính của Công ty là môi giới chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán, và lưu ký chứng khoán.

Địa chỉ trụ sở chính: 121 Lê Lợi, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ chi nhánh tại Hà Nội: 108 Lò Đúc, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

2. Các sự kiện trong kỳ

3. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát

Hội đồng quản trị

Ông: Trần Đức Thuận	Chủ tịch
Ông: Lê Quang Sự	Thành viên
Bà: Nguyễn Thụy Như Ý	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông: Trần Đức Thuận	Tổng Giám Đốc
Ông: Phan Văn Tuấn	Giám Đốc chi nhánh Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật

Ông: Trần Đức Thuận	Tổng Giám Đốc
---------------------	---------------

Ban Kiểm soát

Ông: Lê Phương Đại	Trưởng Ban
Ông: Phan Ngọc Huân	Thành viên

4. Cam kết của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc khẳng định rằng báo cáo tài chính đã được lập, trình bày trung thực và hợp lý tình hình hoạt động kinh doanh của công ty trên các khía cạnh trọng yếu và theo đúng các chuẩn mực, các chế độ kế toán được chấp nhận và các quy định có liên quan tại Việt Nam. Để lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo;
- Đảm bảo sổ sách kế toán được ghi chép và lưu trữ một cách phù hợp;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp;
- Thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm bảo vệ tài sản của công ty, ngăn chặn và phát hiện các gian lận và sai sót.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết với Hội đồng quản trị rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính và cam kết rằng công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh như hiện tại và thực hiện các kế hoạch phát triển kinh doanh của mình trong các năm tới.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

121 Lê Lợi, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

5. Lợi ích của các thành viên Ban Tổng Giám đốc

Không có thành viên Ban Tổng Giám đốc nào được thụ hưởng hay có quyền thụ hưởng bất kỳ một lợi ích nào khác ngoài các lợi ích bao gồm các khoản tiền lương, tiền thù lao đã nhận hay các khoản phải trả, phải thu của Ban Tổng Giám đốc được trình bày trong báo cáo tài chính, bởi một thỏa thuận nào đó được lập bởi CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM, các công ty có liên quan đến Ban Tổng Giám đốc hay với những công ty có liên quan đến các lợi ích về tài chính.

6. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Không có bất kỳ một nghiệp vụ, một sự kiện, một vấn đề bất thường phát sinh từ sau ngày kết thúc niên độ đến ngày lập báo cáo này có ảnh hưởng trọng yếu đến ý kiến của Ban Tổng Giám đốc công ty, đến kết quả hoạt động của công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2012.

7. Kiểm toán độc lập

Công ty TNHH Kiểm Toán Mỹ (AA) được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 bày tỏ nguyện vọng được tiếp tục thực hiện công việc kiểm toán cho Công ty.

8. Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm từ trang 4 đến trang 20 cho giai đoạn sáu tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2012. Các báo cáo này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 phù hợp với Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán Việt Nam, các chính sách kế toán được quy định tại Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và các thông tư sửa đổi, bổ sung có liên quan của Bộ Tài chính về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty chứng khoán và tuân thủ các quy định khác có liên quan.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 07 năm 2012

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



TRẦN ĐỨC THUẬN

Tổng Giám đốc

Số: 160720124110/AR-AA

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHO GIAI ĐOẠN SÁU THÁNG KẾT THÚC TẠI NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2012 CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Kính gửi: Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính của CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM, gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 từ trang 4 đến trang 20.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tại Việt Nam. Trách nhiệm này bao gồm: thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn; chọn lựa và áp dụng các chính sách kế toán thích hợp; và thực hiện các ước tính kế toán hợp lý đối với từng trường hợp.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ các quy tắc đạo đức nghề nghiệp, phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính của Công ty không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu mà chưa được phát hiện ra.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp về các số liệu và các thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán chuyên môn của kiểm toán viên về rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hay nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính một cách trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của đơn vị. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các chính sách kế toán đã được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho chúng tôi đưa ra ý kiến kiểm toán.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, phù hợp với các chuẩn mực và hệ thống kế toán Việt Nam, các chính sách kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Thông tư số 95/2008/TT-BTC của Bộ Tài chính và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan.

ĐẠI DIỆN CÔNG TY KIỂM TOÁN MỸ (AMERICAN AUDITING)



LÊ VĂN THANH

Tổng Giám đốc

Chứng Chỉ KTV số 0357/KTV

NGUYỄN HỮU TRÍ

Kiểm toán viên điều hành

Chứng Chỉ KTV số 0476/KTV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 07 năm 2012

AA - American Auditing Company: Auditing, Consulting, Accounting, Finance, Taxation, Investment, Management, Software, Headhunter and Training.

AA - 美國審計公司: 審計, 諮詢, 會計, 財務, 課稅, 銀行, 投資, 管理, 會計軟體, 人才聘用以及培訓.

AA - Công ty Kiểm Toán Mỹ: Kiểm toán, Tư vấn, Kế toán, Tài chính, Thuế, Ngân hàng, Đầu tư, Quản trị, Phần mềm, Tuyển dụng và Đào tạo

Website: <http://aa.com.vn>

Email: info@aa.com.vn

Tel: (84-8) 39321284

Hotline: 0903 699 894

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012

Đơn vị tiền tệ: VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	TM	Tại 30/6/2012	Tại 01/01/2012
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		392.970.436.534	142.481.764.369
I. Tiền & các khoản tương đương tiền	110	V.01	172.035.488.158	79.043.222.060
1. Tiền	111		172.035.488.158	79.043.222.060
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	V.04	177.176.628.151	298.651.407
1. Phải thu khách hàng	131		39.202.198	38.952.605
2. Trả trước cho người bán	132		16.148.284	16.148.284
4. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	135		653.321.903	176.354.144
5. Các khoản phải thu khác	138		176.467.955.766	67.196.374
IV. Hàng tồn kho	140		346.256.500	346.256.500
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		43.412.063.725	62.793.634.402
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		940.881.613	761.080.457
5. Tài sản ngắn hạn khác	158		42.471.182.112	62.032.553.945
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+230+240+250+260)	200		35.338.081.467	97.592.258.249
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		3.986.635.892	4.747.813.578
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.06	3.178.461.854	3.837.284.022
- Nguyên giá	222		7.580.213.232	7.580.213.232
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(4.401.751.378)	(3.742.929.210)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.07	731.924.898	834.280.416
- Nguyên giá	228		1.276.848.939	1.276.848.939
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(544.924.041)	(442.568.523)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		76.249.140	76.249.140
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		31.351.445.575	92.844.444.671
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.08	1.389.265.119	1.738.674.923
3. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	263	V.09	1.962.180.456	315.769.748
4. Tài sản dài hạn khác	268	V.10	28.000.000.000	90.790.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		428.308.518.001	240.074.022.618

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012

Đơn vị tiền tệ: VND

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	Tại 30/6/2012	Tại 01/01/2012
A - NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300	294.349.169.505	103.793.102.983
I. Nợ ngắn hạn	310	294.162.849.505	103.793.102.983
1. Vay và nợ ngắn hạn	311 V.11	3.685.000.000	-
2. Phải trả cho người bán	312 V.12a	651.990.018	723.519.495
3. Người mua trả tiền trước	313 V.12b	135.000.000	2.227.544.256
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314 V.13	61.878.496	905.646.599
5. Phải trả người lao động	315	360.477.824	264.675.211
6. Chi phí phải trả	316 V.14	56.811.797	58.000.000
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319 V.15	288.658.912.332	98.145.686.385
9. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320 V.16	-	1.293.265.999
10. Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	321	-	(14.000)
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	174.779.038	174.779.038
14. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	328	378.000.000	-
II. Nợ dài hạn	330	186.320.000	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	186.320.000	-
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	133.959.348.496	136.280.919.635
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411 V.17	135.000.000.000	135.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	10.584.000.000	10.584.000.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413	-	-
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414	-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415	-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	(11.624.651.504)	(9.303.080.365)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440	428.308.518.001	240.074.022.618

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012

Đơn vị tiền tệ: VND

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	MÃ SỐ	TM	Tại 30/6/2012	Tại 01/01/2012
1. Tài sản thuê ngoài	001		-	-
2. Vật tư, chứng chỉ có giá nhận giữ hộ	002		-	-
3. Tài sản nhận ký cược	003		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý	004		-	-
5. Ngoại tệ các loại	005		-	-
6. Chứng khoán lưu ký	006		727.349.333.300	455.980.858.900
Trong đó:			-	-
6.1- Chứng khoán giao dịch	007		569.088.924.300	325.730.445.900
6.1.2- CK giao dịch của khách hàng trong nước	009		569.088.924.300	325.730.445.900
6.3- Chứng khoán cầm cố	017		156.040.000.000	128.220.000.000
6.3.2. CK cầm cố của khách hàng trong nước	019		156.040.000.000	128.220.000.000
6.5- Chứng khoán chờ thanh toán	027		2.220.409.000	2.030.413.000
6.5.2. CK chờ thanh toán khách hàng trong nước	029		2.220.409.000	2.030.413.000

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 07 năm 2012

NGUYỄN XUÂN TRƯỜNG
Kế Toán Trưởng



TRẦN ĐỨC THỤẬN
Tổng Giám đốc

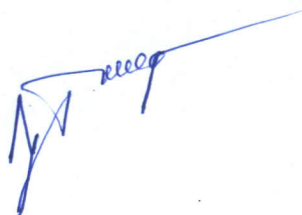
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2012

Đơn vị tiền tệ: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	TM	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011
1. Doanh thu	01	VI.01	5.240.840.757	5.240.429.361
<i>Trong đó</i>				
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1		2.934.029.684	1.512.316.227
Doanh thu đầu tư chứng khoán, góp vốn	01.2		-	-
Doanh thu bảo lãnh phát hành chứng khoán	01.3		-	-
Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán	01.4		-	-
Doanh thu hoạt động tư vấn	01.5		-	18.181.818
Doanh thu lưu ký chứng khoán	01.6		17.484.794	-
Doanh thu hoạt động uỷ thác đấu giá	01.7		-	-
Doanh thu cho thuê sử dụng tài sản	01.8		-	-
Doanh thu khác	01.9		2.289.326.279	3.709.931.316
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (10 = 01 - 02)	10		5.240.840.757	5.240.429.361
4. Chi phí hoạt động kinh doanh	11	VI.02	3.558.217.609	3.522.855.265
5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh (20 = 10 - 11)	20		1.682.623.148	1.717.574.096
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.03	5.235.124.768	4.690.276.827
7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 - 25)	30		(3.552.501.620)	(2.972.702.731)
8. Thu nhập khác	31		1.230.930.481	-
9. Chi phí khác	32		-	-
10. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		1.230.930.481	-
11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(2.321.571.139)	(2.972.702.731)
12. Chi phí Thuế TNDN hiện hành	51		-	-
13. Chi phí Thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		(2.321.571.139)	(2.972.702.731)
15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70	V.17	(172)	(220)

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính.



NGUYỄN XUÂN TRƯỜNG
Kế Toán Trưởng



TRẦN ĐỨC THUẬN
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 07 năm 2012

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

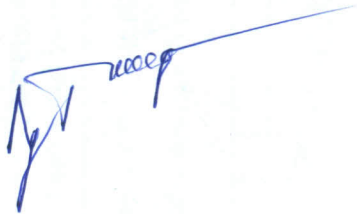
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2012

Đơn vị tiền tệ: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	TM	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(2.321.571.139)	(2.972.702.731)
- Khấu hao tài sản cố định	02		761.177.686	768.964.322
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		2.289.326.279	(86.143.579)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		728.932.826	(2.289.881.988)
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		(180.407.424.928)	(18.466.005.284)
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(98.446.950.136)	91.014.975.605
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		349.409.804	-
- Tiền lãi vay đã trả	13		-	(10.833.333)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		-	(18.664.489)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		407.534.357.582	2.854.734.152.705
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(40.451.059.050)	(3.170.941.885.192)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		89.307.266.098	(245.978.141.976)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(15.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	172.055.000.000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		-	157.055.000.000
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		5.599.000.000	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(1.914.000.000)	(128.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		3.685.000.000	(128.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		92.992.266.098	(216.923.141.976)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		79.043.222.060	290.277.762.942
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		172.035.488.158	73.354.620.966

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính.



NGUYỄN XUÂN TRƯỜNG
Kế Toán Trưởng



TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 07 năm 2012
TRẦN ĐỨC THUẬN
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

121 Lê Lợi, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 05-CTCK

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012

Đơn vị tiền tệ: VND

Chi tiêu	TM	Số dư đầu kỳ		Số tăng/giảm				Số dư cuối kỳ	
		Tại 01/01/2011	Tại 01/01/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011		Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012		Tại 30/6/2011	Tại 30/6/2012
				Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		135.000.000.000	135.000.000.000	-	-	-	-	135.000.000.000	135.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần		10.584.000.000	10.584.000.000	-	-	-	-	10.584.000.000	10.584.000.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu		-	-	-	-	-	-	-	-
4. Cổ phiếu quỹ		-	-	-	-	-	-	-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		-	-	-	-	-	-	-	-
6. Chênh lệch tỷ giá		-	-	-	-	-	-	-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển		-	-	-	-	-	-	-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính		-	-	-	-	-	-	-	-
9. Các quỹ khác		-	-	-	-	-	-	-	-
10. LN chưa phân phối		1.393.070.477	(9.303.080.365)	-	2.972.702.731	(2.321.571.139)	-	(1.579.632.254)	(11.624.651.504)
11. Tăng / (giảm) khác		-	-	-	-	-	-	-	-
Tổng cộng		146.977.070.477	136.280.919.635	-	2.972.702.731	(2.321.571.139)	-	144.004.367.746	133.959.348.496

Handwritten signature

NGUYỄN XUÂN TRƯỜNG
Kế Toán Trưởng



TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 07 năm 2012

TRẦN ĐỨC THUAN
Tổng Giám đốc

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính được đính kèm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2012

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1, Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Công nghiệp Việt Nam là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy phép hoạt động Kinh doanh chứng khoán số: 95/UBCK-GP, do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước cấp ngày 12 tháng 08 năm 2008 và giấy phép điều chỉnh số 225/UBCK-GP ngày 01 tháng 04 năm 2009. Các quyết định điều chỉnh số 294/UBCK-GP ngày 12 tháng 01 năm 2010, số 339/UBCK-GP ngày 12 tháng 07 năm 2010.

Công ty có trụ sở chính đặt tại 121 Lê Lợi, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, đồng thời công ty có chi nhánh đặt tại 108 Lò Đúc, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

2, Lĩnh vực và ngành nghề hoạt động

- a. Lĩnh vực kinh doanh: Kinh doanh chứng khoán
- b. Ngành nghề kinh doanh
 - Môi giới chứng khoán
 - Tư vấn đầu tư chứng khoán
 - Lưu ký chứng khoán

Vốn điều lệ 135.000.000.000 đồng

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1, Kỳ kế toán

Kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012.

2, Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1, Chế độ kế toán áp dụng:

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam "VND" phù hợp với Hệ thống kế toán Việt Nam, chính sách kế toán được quy định tại thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và các thông tư sửa đổi có liên quan của Bộ Tài Chính hướng dẫn chế độ kế toán đối với công ty chứng khoán và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh báo cáo tài chính được trình bày kèm theo, việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc, thông lệ kế toán Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ ngoài Việt Nam.

2, Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và hệ thống kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán.

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính được đính kèm

Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả kinh doanh, các luồng lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước CHXHCN Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại nước CNXHCN Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

3, Cơ sở của việc soạn lập các báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính đã được soạn lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho các công ty chứng khoán hoạt động tại nước CHXHCN Việt Nam.

Báo cáo tài chính được soạn thảo dựa trên nguyên tắc giá gốc.

4, Hình thức sổ kế toán áp dụng: Nhật ký chung

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1, Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán, tiền gửi của người ủy thác đầu tư, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Tiền và các khoản tương đương tiền cũng bao gồm các khoản tiền gửi để kinh doanh chứng khoán của các nhà đầu tư.

2, Chứng khoán thương mại, đầu tư ngắn hạn, đầu tư chứng khoán dài hạn, đầu tư dài hạn khác.

a. Phân loại

- Công ty phân loại các chứng khoán niêm yết và chưa niêm yết được mua cho mục đích kinh doanh là chứng khoán thương mại.
- Công ty phân loại các khoản cho vay có kỳ hạn gốc dưới 12 tháng và các chứng khoán mua rồi bán lại theo hợp đồng (hợp đồng mua và bán lại chứng khoán) là các khoản đầu tư ngắn hạn.
- Đầu tư chứng khoán dài hạn là các chứng khoán sẵn sàng để bán được nắm giữ trong một thời gian không xác định trước và có thể được bán ra vào bất kỳ lúc nào.
- Đầu tư dài hạn khác là các khoản góp vốn dài hạn vào các công ty và dự định nắm giữ hơn một năm mặc dù thời gian thực sự nắm giữ có thể dài hơn hoặc ngắn hơn tùy thuộc vào tình hình hoạt động của các công ty được đầu tư và các trường hợp khác.

b. Ghi nhận

Theo thông tư 95/2008/TT-BTC cho phép các công ty chứng khoán thực hiện hạch toán kế toán các khoản đầu tư chứng khoán theo một trong hai nguyên tắc là giá gốc hoặc giá trị hợp lý. Theo đó, Công ty đã lựa chọn phương pháp giá gốc để ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán.

Công ty ghi nhận các chứng khoán thương mại, các khoản đầu tư ngắn hạn và các khoản đầu tư chứng khoán dài hạn và các khoản đầu tư dài hạn khác tại ngày mà công ty ký kết các hợp đồng đầu tư (kế toán theo ngày giao dịch)

c. Đánh giá

- Chứng khoán thương mại đã niêm yết được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán bằng cách tham khảo giá đóng cửa tại Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và giá chứng khoán bình quân tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội vào ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Chứng khoán thương mại chưa niêm yết được tự do mua bán trên thị trường OTC được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng giảm giá bằng cách tham khảo giá giao dịch được cung cấp bởi ba công ty chứng khoán.
- Các khoản đầu tư ngắn hạn được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi (nếu có).
- Chứng khoán thương mại chưa niêm yết không tự do mua bán trên thị trường, chứng khoán đầu tư dài hạn và các khoản đầu tư dài hạn khác được phản ánh dựa theo nguyên giá trừ đi dự phòng giảm giá theo đánh giá của Ban Giám Đốc. Ban Giám Đốc xác định các khoản dự phòng giảm giá cho các khoản đầu tư này sau khi xem xét giá gốc, tình hình thị trường, tình hình hoạt động kinh doanh hiện tại và tương lai và các dòng tiền ước tính.
- Dự phòng giảm giá chứng khoán thương mại, đầu tư ngắn hạn, chứng khoán đầu tư dài hạn và đầu tư dài hạn khác như đề cập ở trên được hoàn nhập khi việc tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi là do sự kiện khách quan xảy ra sau khi khoản dự phòng được lập. Dự phòng chỉ được hoàn nhập đến mức tối đa bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư khi chưa lập dự phòng.
- Nguyên giá của chứng khoán thương mại, đầu tư chứng khoán dài hạn và các khoản đầu tư dài hạn khác được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính được đính kèm

d. Chấm dứt ghi nhận

Chứng khoán thương mại, đầu tư ngắn hạn, đầu tư chứng khoán dài hạn và đầu tư dài hạn khác được chấm dứt ghi nhận khi các quyền lợi nhận các luồng tiền tệ từ các khoản đầu tư đã hết hoặc Công ty đã chuyển phần lớn rủi ro và lợi ích của quyền sở hữu.

3. Các khoản phải thu**a. Nguyên tắc ghi nhận**

Các khoản phải thu được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian tiếp theo.

b. Trích lập dự phòng các khoản phải thu khó đòi

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo tổn thất dự kiến có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào "Chi phí quản lý doanh nghiệp" trong kỳ.

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán thì mức trích lập dự phòng theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 07 tháng 12 năm 2009 như sau:

<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Mức trích dự phòng</u>
Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Trên ba (03) năm	100%

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ)

Việc quản lý và trích khấu hao tài sản cố định được thực hiện theo thông tư 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009, cụ thể như sau:

a. TSCĐ hữu hình:***Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình***

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được tính vào giá trị tài sản, chi phí bảo trì sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi (lỗ) nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được thể hiện theo nguyên giá. Nguyên giá này bao gồm chi phí xây dựng, giá trị máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang không được tính khấu hao cho đến khi các tài sản có liên quan được hoàn thành và đưa vào sử dụng.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

<u>Loại TSCĐ</u>	<u>Thời gian (năm)</u>
Máy móc thiết bị	2 - 8 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	2 - 8 năm

b. TSCĐ vô hình:

TSCĐ vô hình bao gồm phần mềm giao dịch Live trade và chi phí thiết kế trang web ISC.

Thời gian khấu hao là 07 - 08 năm.

5. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính được đính kèm

6, Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp thôi việc và bảo hiểm thất nghiệp

Quỹ trợ cấp thôi việc và bảo hiểm thất nghiệp được tính toán và trích lập theo Luật Bảo Hiểm Xã Hội và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

7, Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán

Doanh thu từ hoạt động môi giới chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi giao dịch chứng khoán được thực hiện.

Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán

Doanh thu từ hoạt động đầu tư chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

Thu nhập lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

8, Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp – kể cả công ty mẹ, công ty con – các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mỗi quan hệ được chú ý chứ không phải chỉ là hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tiền tệ: VND

1, Tiền và các khoản tương đương tiền

	Tại 30/6/2012	Tại 01/01/2012
- Tiền mặt tại quỹ	5.269.318.554	70.332.283.336
- Tiền gửi ngân hàng	165.022.419.604	8.710.938.724
Trong đó:		
Tiền ký quỹ của nhà đầu tư	98.080.775.917	7.670.213.653
- Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán	1.743.750.000	-
- Các khoản tương đương tiền	-	-
Tổng cộng	172.035.488.158	79.043.222.060

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

121 Lê Lợi, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09-CTCK

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính được đính kèm

2, Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ

CHỈ TIÊU	Khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ	Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ
a. Của công ty chứng khoán		
- Cổ phiếu, chứng chỉ quỹ	-	-
b. Của nhà đầu tư		
- Cổ phiếu, chứng chỉ quỹ	66.889.546	912.680.686.400
- Trái phiếu		
Tổng cộng	66.889.546	912.680.686.400

3, Tình hình đầu tư tài chính.

4, Các khoản phải thu (xem phụ lục số 01 đính kèm)

5, Tài sản ngắn hạn khác

	Tại 30/6/2012	Tại 01/01/2012
- Tạm ứng cho nhân viên	163.182.412	749.272.371
- Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	42.307.999.700	61.283.281.574
Tổng cộng	42.471.182.112	62.032.553.945

6, Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

Chỉ tiêu	Nhà cửa vật kiến trúc	Phương tiện vận tải	Máy móc thiết bị	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ						
Tại 01/01/2012	-	-	1.314.199.804	6.090.244.428	175.769.000	7.580.213.232
- Mua trong năm						-
- Tăng khác						-
- Thanh lý, nhượng bán						-
- Giảm khác						-
Tại 30/6/2012	-	-	1.314.199.804	6.090.244.428	175.769.000	7.580.213.232
HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại 01/01/2012			504.647.952	3.123.257.784	115.023.474	3.742.929.210
- Khấu hao trong năm			114.221.584	529.323.901	15.276.683	658.822.168
- Tăng khác						-
- Thanh lý, nhượng bán						-
- Giảm khác						-
Tại 30/6/2012	-	-	618.869.536	3.652.581.685	130.300.157	4.401.751.378
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại 01/01/2012	-	-	809.551.852	2.966.986.644	60.745.526	3.837.284.022
Tại 30/6/2012	-	-	695.330.268	2.437.662.743	45.468.843	3.178.461.854

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

121 Lê Lợi, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09-CTCK

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính được đính kèm

7, Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình

Chi tiêu	Quyền sử dụng đất	Web ISC	Phần mềm giao dịch	Tài sản khác	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ					
Tại 01/01/2012	-	561.038.400	715.810.539	-	1.276.848.939
- Mua trong năm					-
- Tạo ra từ nội bộ doanh nghiệp					-
- Tặng khác					-
- Thanh lý, nhượng bán					-
- Giảm khác					-
Tại 30/6/2012		561.038.400	715.810.539	-	1.276.848.939
HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại 01/01/2012		134.415.450	308.153.073		442.568.523
- Khấu hao trong năm		28.249.698	74.105.820		102.355.518
- Tặng khác					-
- Thanh lý, nhượng bán					-
- Giảm khác					-
Tại 30/6/2012	-	162.665.148	382.258.893	-	544.924.041
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại 01/01/2012	-	426.622.950	407.657.466	-	834.280.416
Tại 30/6/2012	-	398.373.252	333.551.646	-	731.924.898

8, Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí	Tại 01/01/2012	Tăng trong kỳ	Kết chuyển vào chi phí SXKD trong kỳ	Số cuối năm
Chi phí trả trước	1.738.674.923		349.409.804	1.389.265.119
Tổng cộng	1.738.674.923	-	349.409.804	1.389.265.119

9, Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán

	Tại 30/6/2012	Tại 01/01/2012
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	1.601.633.967	67
Tiền lãi phân bổ trong năm	240.546.489	195.769.681
Tổng cộng	1.962.180.456	315.769.748

10, Tài sản dài hạn khác

	Tại 30/6/2012	Tại 01/01/2012
Ký quỹ, ký cược dài hạn		
+ Ký quỹ các hợp đồng môi giới CP OTC	28.000.000.000	90.790.000.000
Tổng cộng	28.000.000.000	90.790.000.000

11, Các khoản vay

a, Vay ngắn hạn

	Tại 30/6/2012	Tại 01/01/2012
- Vay ngắn hạn cá nhân	3.685.000.000	-
Tổng cộng	3.685.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

121 Lê Lợi, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09-CTCK

*Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính được đính kèm***12, Phải trả nhà cung cấp**

	<u>Tại 30/6/2012</u>	<u>Tại 01/01/2012</u>
a. Phải trả người bán	651.990.018	723.519.495
Công ty TNHH Cảng Phước Long	363.000.000	363.000.000
Công ty TNHH Thương mại Quả Cầu Vàng	270.000.000	270.000.000
Khác	18.990.018	90.519.495
b. Người mua trả tiền trước	135.000.000	2.227.544.256
Công ty Cổ phần Dược Hà Tĩnh	35.000.000	15.000.000
Công ty Cổ phần DL Xanh Nghệ An	20.000.000	20.000.000
Công ty Cổ phần Đại lý vận tải SAFI	30.000.000	-
Công ty Cổ phần vận tải dầu khí Việt Nam (Falcon)	50.000.000	50.000.000
Khác	-	2.142.544.256
Tổng cộng	786.990.018	2.951.063.751

13, Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	<u>Tại 30/6/2012</u>	<u>Tại 01/01/2012</u>
Thuế thu nhập cá nhân	61.878.496	905.646.599
Tổng cộng	61.878.496	905.646.599

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

14, Chi phí phải trả

	<u>Tại 30/6/2012</u>	<u>Tại 01/01/2012</u>
- Trích trước chi phí phải trả khác	56.811.797	58.000.000
Tổng cộng	56.811.797	58.000.000

15, Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Tại 30/6/2012</u>	<u>Tại 01/01/2012</u>
Kinh phí công đoàn	74.454.118	34.782.833
Bảo hiểm xã hội	110.635.557	57.289.582
Công ty CP Chứng khoán Phương Đông	3.969.287.034	4.669.287.034
Công ty Cổ Phần Đại Lý Liên Hiệp Vận Chuyển	33.500.000.000	82.750.000.000
Ngân hàng BIDV Campuchia - CN TPHCM	100.000.000.000	-
Ngân Hàng LD Lào Việt - CN. HCM	50.439.166.667	-
Thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán	2.320.748.000	2.678.579.000
Nhận ký quỹ ký cược ngắn hạn	98.080.775.917	7.670.213.653
Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam	-	119.980.000
Các đối tượng khác	163.845.039	165.554.283
Tổng cộng	288.658.912.332	98.145.686.385

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

121 Lê Lợi, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09-CTCK

*Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính được đính kèm***16, Các khoản phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán**

	Tại 30/6/2012	Tại 01/01/2012
Phải trả vay Quỹ Hỗ trợ thanh toán của các thành viên khác	-	1.217.411.719
Phải trả tổ chức, cá nhân khác	-	75.854.280
Tổng cộng	-	1.293.265.999

17, Vốn cổ phần

- Theo giấy phép hoạt động Kinh doanh chứng khoán số: 95/UBCK-GP ngày 12 tháng 8 năm 2008 và giấy phép điều chỉnh số 225/UBCK-GP do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam cấp, vốn điều lệ của Công ty là 135.000.000.000 đồng, tương đương 13.500.000 cổ phiếu phổ thông, mỗi cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 đồng.

- Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

- Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012, số lượng cổ phiếu và tình hình góp vốn điều lệ của Công ty như sau:

	Tại 30/6/2012	Tại 01/01/2012
Số lượng cổ phiếu đăng ký	13.500.000	13.500.000
Số cổ phiếu đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	13.500.000	13.500.000
Số cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	13.500.000	13.500.000
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu		
	Kỳ này	Kỳ trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	(2.321.571.139)	(2.972.702.731)
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	13.500.000	13.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS)	(172)	(220)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1, Doanh thu**

	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	2.934.029.684	1.512.316.227
Doanh thu hoạt động tư vấn	-	18.181.818
Doanh thu lưu ký chứng khoán	17.484.794	-
Doanh thu khác	2.289.326.279	3.709.931.316
Tổng cộng	5.240.840.757	5.240.429.361

2, Chi phí hoạt động kinh doanh

	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011
Chi phí nhân viên	214.660.924	232.300.000
Chi phí khấu hao TSCĐ	37.813.629	27.536.766
Chi phí hoạt động kinh doanh chứng khoán	2.513.166.798	3.233.999.076
Các khoản chi phí khác	792.576.258	29.019.423
Tổng cộng	3.558.217.609	3.522.855.265

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính được đính kèm

3, Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011
Chi phí nhân viên	2.800.643.067	2.594.972.678
Chi phí đồ dùng văn phòng	520.931.938	100.354.695
Chi phí khấu hao TSCĐ	844.125.909	755.614.838
Thuế, phí và lệ phí	-	114.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	794.167.981	581.843.562
Chi phí bằng tiền khác	275.255.873	657.377.054
Tổng cộng	5.235.124.768	4.690.276.827

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

- 1, Thông tin về các giao dịch không bằng tiền phát sinh trong năm báo cáo
- 2, Các khoản tiền và tương đương tiền doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng

VIII Thông tin bổ sung cho Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu

1. Phần cổ tức đã được đề xuất, hoặc được công bố sau ngày lập Bảng cân đối kế toán nhưng trước khi báo cáo tài chính được phép phát hành, và
2. Giá trị cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận
3. Thu nhập và chi phí, lãi hoặc lỗ hạch toán trực tiếp vào nguồn vốn chủ sở hữu

IX. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1, Thông tin về các bên liên quan

Không phát sinh

2, Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo vốn cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2011 đã được kiểm toán và số liệu trên báo cáo tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 được kiểm toán bởi công ty TNHH Kiểm toán Mỹ.

3, Công cụ tài chính

Các loại công cụ tài chính

	Tại 30/6/2012	Tại 01/01/2012
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	172.035.488.158	79.043.222.060
Các khoản phải thu ngắn hạn	177.176.628.151	298.651.407
Cộng	349.212.116.309	79.341.873.467
Công nợ tài chính		
Vay ngắn hạn	3.685.000.000	-
Phải trả người bán	651.990.018	723.519.495
Các khoản phải trả phải nộp khác	288.658.912.332	98.145.686.385
Cộng	292.995.902.350	98.869.205.880
Trạng thái ròng	56.216.213.959	(19.527.332.413)

10200
CÔNG
CHÍNH
KIỂM T
TP.

S.G.P.: 95
CÔNG
CỔ P
CHỨNG
CÔNG
VIỆT
QUẬN 1 - TP

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính được đính kèm

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210/2009/TT-BTC yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty bao gồm các khoản nợ gồm các khoản vay như đã trình bày tại Bảng cân đối kế toán, tiền và các khoản tương đương tiền, phần vốn thuộc sở hữu của cổ đông gồm vốn góp, các quỹ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro thị trường

Hoạt động của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này mà giảm thiểu rủi ro bằng cách giảm trạng thái ngoại tệ ròng nắm giữ.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ vay hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hay đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản của Công ty được quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa nợ phải trả đến hạn trả và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể kiểm soát được đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì mức dự phòng tiền mặt và tiền gửi, các khoản vay, nguồn vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn cho nợ phải trả tài chính phi phái sinh và tài sản tài chính phi phái sinh trên cơ sở không chiết khấu tại thời điểm lập báo cáo.

CÔNG TY
CHỨNG KHOÁN
CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

CÔNG TY
CHỨNG KHOÁN
CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

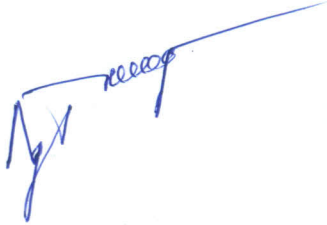
121 Lê Lợi, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09-CTCK

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính được đính kèm

Nợ phải trả tài chính	Dưới 1 năm	Từ 1 năm đến 5 năm	Tổng
Tại 30/6/2012			
Các khoản vay	3.685.000.000	-	3.685.000.000
Phải trả người bán	651.990.018	-	651.990.018
Các khoản phải trả khác	288.658.912.332	-	288.658.912.332
Cộng	292.995.902.350	-	292.995.902.350
Tại 01/01/2012			
Các khoản vay	-	-	-
Phải trả người bán	723.519.495	-	723.519.495
Các khoản phải trả khác	98.145.686.385	-	98.145.686.385
Cộng	98.869.205.880	-	98.869.205.880
Tài sản tài chính			
Tại 30/6/2012			
Tiền và các khoản tương đương tiền	172.035.488.158	-	172.035.488.158
Các khoản phải thu ngắn hạn	177.176.628.151	-	177.176.628.151
Cộng	349.212.116.309	-	349.212.116.309
Tại 01/01/2012			
Tiền và các khoản tương đương tiền	79.043.222.060	-	79.043.222.060
Các khoản phải thu ngắn hạn	298.651.407	-	298.651.407
Cộng	79.341.873.467	-	79.341.873.467

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 07 năm 2012



NGUYỄN XUÂN TRƯỜNG
Kế Toán Trưởng



TRẦN ĐỨC THUẬN
Tổng Giám đốc

